

Bản án số: 04/2019/HC-PT

Ngày: 10 - 10 - 2019

V/v: *khởi kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Tuyết Mai
Ông Trần Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông
Lê Đình Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 05/2019/TLHC-PT ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc khởi kiện “Quyết định hành chính và hành vi hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2019/HC-ST, ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lương Tài bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đoàn Đắc C, sinh năm 1931

Trú tại: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BN

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đoàn Đắc T, sinh năm 1963; Trú tại: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BN (xin xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Thị Phương A - Công ty Luật TNHH - Đoàn Luật sư TP HN. (Có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND xã P, huyện L

UBND xã P, huyện L

Đại diện: Ông Nguyễn Đăng Th - Chức vụ: Quyền Chủ tịch UBND xã P, huyện L (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đoàn Đắc T, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BN (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đoàn Đắc T, sinh năm 1963.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Năm 1990, ông Đoàn Đắc C (là bố đẻ ông Đoàn Đắc T) đã nhận chuyển nhượng thửa đất thổ cư có diện tích 150m² của bà Nguyễn Thị L ở cùng thôn với giá 19.000 đồng. Việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên được lập thành văn bản, có xác nhận của UBND xã P. Hiện nay thửa đất nêu trên là thửa đất số: 104, tờ bản đồ số: 45, theo bản đồ địa chính xã P lập năm 2003.

Ngày 01/6/1992, ông Đoàn Đắc C được UBND xã P cấp thửa đất thổ cư có diện tích 150m² (hiện nay là thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 45, theo bản đồ địa chính xã P lập năm 2003, sau đây gọi tắt là thửa đất số: 33) liền kề với thửa đất đã mua lại của bà L. Hai thửa đất trên đã được ông C và gia đình ông sử dụng, dựng hàng rào, xác định ranh giới rõ ràng với các hộ xung quanh. Gia đình ông đã nhiều lần kê khai và làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất này nhưng không được UBND xã P giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Đến năm 2010, UBND xã P cho rằng Thửa đất số: 33 là đất của tập thể, do UBND xã P quản lý, không công nhận quyền sử dụng hợp pháp và không thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông với thửa đất số: 33. Do đó ông Đoàn Đắc C và ông Đoàn Đắc T đã nhiều lần khiếu nại đến UBND xã P nhưng đều không nhận được bất kỳ sự trả lời khiếu nại nào.

Ngày 20/10/2016, UBND xã P có quyết định số: 289/KL-UBND về việc xem xét giải quyết, trả lời đơn của ông Đoàn Đắc T thôn Ngọc T, xã P. Không đồng ý với kết luận này nên ông T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã P. Ngày 16/3/2017, Chủ tịch UBND xã P có Quyết định số: 32/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của công dân Đoàn Đắc T với nội dung giữ nguyên Kết luận số: 289.

Nay ông Đoàn Đắc C làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lương Tài giải quyết và buộc UBND xã P phải thực hiện những việc về hành chính như sau:

1. Công nhận ông Đoàn Đắc C có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 45, bản đồ địa chính xã P, huyện L, tỉnh BN lập năm 2003.

2. Hủy bỏ Kết luận số: 289/KL-UBND ngày 20/10/2016 của UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh về việc xem xét, giải quyết đơn của ông Đoàn Đắc T thôn N, xã P.

3. Hủy bỏ Quyết định số: 32/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh về việc giải quyết khiếu nại của công dân Đoàn Đắc T (lần đầu).

4. Buộc UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh phải công nhận Thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 45, bản đồ địa chính xã P lập năm 2003 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đoàn Đắc C và phải tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để ông Đoàn Đắc C được Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 33 và thửa đất số: 104, cùng tờ bản đồ số: 45, bản đồ địa chính xã P lập năm 2003 theo đúng quy định của pháp luật.

** Đại diện người bị kiện trình bày:*

Thửa đất số: 104 là do ông Đoàn Đắc C nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị L ở cùng thôn là đúng. Còn diện tích đất mà theo ông Đoàn Đắc T trình bày là thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 45 theo bản đồ địa chính xã P lập năm 2003 thực chất là đất nông nghiệp được gia đình ông Đoàn Đắc C nhận liền vào đất vườn mua của bà L nên năm 2010 thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa thôn, xã và gia đình ông C đã thống nhất xác định ranh giới thửa đất vườn giao cho gia đình ông còn đất nông nghiệp trả lại thôn N, còn gia đình ông C sẽ nhận diện tích thửa đất nông nghiệp theo phương án giao ruộng ở cánh đồng khác theo phương án đền bù dồn điền đổi thửa năm 2010. Sau đó hộ ông Đoàn Đắc C cũng đã nhận đủ diện tích đất nông nghiệp như trong Giấy chứng nhận đất nông nghiệp trước đây và không có thắc mắc gì. “Giấy tạm giao quyền sử dụng đất” ngày 01/6/1992 của UBND xã P cấp cho ông Đoàn Đắc C diện tích 150m² đất thổ cư là cấp cho diện tích đất mà ông C đã mua lại của bà L trước năm 1992. Việc này có xác nhận của ông Nguyễn Nam K là cán bộ quản lý ruộng đất xã và ông Đoàn Văn C là Chủ tịch UBND xã P giai đoạn năm 1992 xác nhận là do sơ xuất nên khi cấp giấy tạm giao trên ông K không thu lại giấy chuyển nhượng đất của bà L chuyển cho ông Đoàn Đắc C. Lý do cấp giấy tạm giao cho ông Đoàn Đắc C là vì thực chất đất của bà L là đất nông nghiệp hộ gia đình tự chuyển mục đích sau đó chuyển nhượng cho ông C, đến năm 1992 UBND xã mới cấp giấy tạm giao cho hộ ông C (vì ông C đã mua lại đất của bà L từ năm 1990 nên UBND xã đã cấp giấy tạm giao cho thửa đất trên cho ông C). Ngày 13/02/2012 ông Đoàn Đắc C cũng đã có bản cam đoan là giấy chuyển quyền do ông Đoàn Đắc M là con trai bà L ký và giấy tạm giao quyền sử dụng đất của UBND xã P chỉ là một thửa đất số: 104, tờ bản đồ số: 45. Do vậy UBND xã P ban hành Kết luận số: 289/KL - UBND ngày 20/10/2016 và Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã P số: 32/QĐ - UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch UBND xã P đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền và được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lương Tài xem xét và bác đơn khởi kiện đối với yêu cầu của ông Đoàn Đắc C đòi hủy Kết luận số: 289 và Quyết định số: 32 cũng như hành vi hành chính của UBND xã P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Sau khi được UBND xã P cấp thửa đất số: 33 ông C và gia đình đã sử dụng thửa đất số: 33, gộp chung với thửa đất số: 104, hộ ông C đã dựng hàng rào, xác định ranh

giới rõ ràng với các hộ xung quanh. Hộ gia đình ông C đã sử dụng hai thửa đất này ổn định từ năm 1992 cho đến nay không có tranh chấp gì. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Đắc C.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2019/HC-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lương Tài đã tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Đắc C về việc:

1. Đề nghị công nhận ông Đoàn Đắc C có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 45, bản đồ địa chính xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh lập năm 2003.

2. Hủy bỏ Kết luận số: 289/KL-UBND ngày 20/10/2016 của UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh về việc xem xét, giải quyết đơn của ông Đoàn Đắc T thôn N, xã P.

3. Hủy bỏ Quyết định số: 32/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh về việc giải quyết khiếu nại của công dân Đoàn Đắc T (lần đầu).

4. Buộc UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh phải công nhận Thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 45, bản đồ địa chính xã P lập năm 2003 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đoàn Đắc C. Phải tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để ông Đoàn Đắc C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 33 và thửa đất số: 104, tờ bản đồ số: 45, bản đồ địa chính xã P lập năm 2003 theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06/6/2019, ông Đoàn Đắc T đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Đắc C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đoàn Đắc T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Về phía đại diện người bị kiện là ông Nguyễn Đăng Th không đồng ý nội dung kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là luật sư Nguyễn Thị Phương A trình bày cho rằng các yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Đắc C là có căn cứ vì các lý do sau:

- Ông C có quyền sử dụng cả 2 thửa đất số 33 và 104 vì hai thửa này là hai thửa đất khác nhau bởi hai loại giấy tờ khác nhau là Giấy tạm giao năm 1992 và Giấy tờ mua bán năm 1990. UBND xã P cho rằng 2 giấy tờ này là của cùng 1 thửa 104 là hết sức vô lý. Hồ sơ vụ án không có tài liệu nào chứng minh thửa 104 do bà L lấn chiếm; pháp luật không cho phép UBND xã ban hành giấy tạm giao.

- Tại KL 289 và QĐ số 32 viện dẫn bản cam đoan của ông C năm 2010. Tuy nhiên ông T khẳng định ông C không bao giờ lập văn bản này vì thời điểm đó ông

C đã tuổi cao sức yếu, ở nhà không có ai có thể soạn thảo đánh máy bản cam đoan này được. Do đó Bản cam đoan này là không khách quan.

- Các Giấy xác nhận trong hồ sơ vụ án là không khách quan và không căn cứ vào tài liệu chứng cứ nào. Các Giấy xác nhận này đều là bản photo không có chứng thực nên không được coi là chứng cứ theo quy định của Luật TTHC.

- Hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng cứ nào xác định thửa số 33 do UBND xã quản lý. UBND xã xác định đây là đất 10% tức là đất rau xanh được giao cho các hộ gia đình quản lý làm kinh tế. Theo quy định của Luật đất đai, UBND xã chỉ có quyền quản lý đối với đất công ích.

- Chữ ký của ông C trong Biên bản xác định mốc giới có dấu hiệu giả mạo do chữ ký trong Biên bản này.

Như vậy qua các tài liệu chứng cứ đều xác nhận ông C đã sử dụng thửa đất số 33 từ những năm 1990. Thửa đất số 33 mặc dù là đất 10% nhưng thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông C.

Đến nay thửa đất số 33 chưa có cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào thu hồi đất hoặc có văn bản giao cho UBND xã quản lý nên không thể cho rằng đất này hiện nay thuộc quyền quản lý của UBND xã P được.

Kết luận 289 và Quyết định 32 cho rằng ông C đã có Văn bản giao thửa số 33 cho tập thể quản lý là không có căn cứ. Từ năm 2010 đến nay khi dồn điền đổi thửa UBND xã P cũng không hề giao thửa số 33 cho ai sử dụng và thực tế gia đình ông C vẫn sử dụng từ trước năm 1990 đến nay. Giấy tạm giao đất năm 1992 của UBND xã P cấp cho gia đình ông C là đất thổ cư.

- Về thủ tục cấp GCN đối với thửa số 33 và thửa số 104 thì gia đình ông C đã nộp đầy đủ cho UBND xã. Nhưng UBND xã chỉ làm thủ tục cấp GCN đối với thửa số 104 nên gia đình ông C (ông T) xin lại hồ sơ.

Vì vậy luật sư Nguyễn Phương A đề nghị HĐXX xem xét sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đoàn Đắc C và miễn án phí cho ông C vì ông C là người cao tuổi.

Đôi đáp với ý kiến của luật sư Phương A, ông Nguyễn Đăng Th trình bày cho rằng vào thời điểm năm 2010 khi thực hiện dồn điền, đổi thửa ông C không có khiếu nại gì, chỉ đến năm 2016 ông C mới khiếu nại nên UBND xã mới xác minh và Ban hành Kết luận số 289, và Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định số 32 để giải quyết khiếu nại. Trước nay gia đình ông C không có hồ sơ đề nghị cấp GCN đối với thửa số 33 mà chỉ đề nghị cấp GCN đối với thửa 104.

Khi dồn điền đổi thửa số 33 đã được phê duyệt để đào mương nên khi dồn điền đổi thửa không giao cho ai sử dụng được.

Ông Th khẳng định ông C chỉ đủ điều kiện để được tiếp nhận hồ sơ đề công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 104 nhưng do ông T đã rút hồ sơ về, còn thửa số 33 đã được giao cho UBND xã quản lý sau khi thực hiện dồn điền, đổi thửa, do đó ông khẳng định Kết luận số 289 của UBND xã P và Quyết định số 32 của Chủ tịch UBND xã P ban hành đúng pháp luật nên ông không đồng ý với

quan điểm của luật sư Phương A và ông đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông T.

** Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến thời điểm này là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính theo quy định.

- Về nội dung: Kiểm sát viên phân tích bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Đắc C là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm khi thụ lý vụ án đã không hướng dẫn, giải thích cho ông C và người đại diện theo ủy quyền của ông C để ông C làm đơn xin miễn giảm án phí là thiếu sót vì ông C là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH. Ngoài ra cấp sơ thẩm có đi xem xét thẩm định và định giá tài sản nhưng trong phần Quyết định của bản án không tuyên phần này là thiếu sót và việc định giá tài sản là không cần thiết bởi Kết luận 289 và Quyết định 32 không đề cập về giá trị đất, người khởi kiện không yêu cầu giải quyết về giá trị thửa đất vì vậy Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đoàn Đắc T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác kháng cáo của ông Đoàn Đắc T về phần đề nghị Tòa án hủy bỏ Kết luận số 289 của UBND xã P và Quyết định số 32 của Chủ tịch UBND xã P. Về việc buộc UBND xã P phải công nhận thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông và được cấp GCNQSDĐ.

Về án phí: Ông C, ông T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đoàn Đắc T đảm bảo đúng quy định tại các Điều 204, 205, 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân huyện Lương Tài thụ lý vụ án khởi kiện “Quyết định hành chính và hành vi hành chính” là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền cũng như thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đoàn Đắc T là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt người khởi kiện theo quy định.

[3] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Kết luận số: 289/KL-UBND ngày 20/10/2016 của UBND xã P và Quyết định số: 32/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch UBND xã P:

[3.1] Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành:

Kết luận số: 289 của UBND xã P và Quyết định số: 32 của Chủ tịch UBND xã P ban hành đúng thẩm quyền, hình thức cũng như trình tự thủ tục, thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 17, Điều 27, Điều 28, Điều 31 Luật khiếu nại.

[3.2] Về nội dung Quyết định hành chính: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy rằng:

- Đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45 diện tích 145m²: Trên sổ thuế nhà đất của xã từ năm 1994 đến năm 2012 ông C chỉ có 01 thửa đất ở diện tích 240 m², số thuế phải nộp là 11,1kg thóc. Con ông C là anh Đoàn Đắc T có 01 thửa đất ở diện tích 290m², số thuế phải nộp là 13,3kg thóc (hai thửa này không phải là một trong các thửa số: 104 và thửa số: 33 tờ bản đồ số: 45). Năm 2015 khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho thửa đất số: 104, tờ bản đồ số: 45 ông C chỉ kê khai thêm thửa đất số: 104 (không kê khai thửa đất số 33) và được lập vào sổ bộ thuế đất phi nông nghiệp năm 2016 (Mã số thuế 8148193693 - tên người nộp thuế là ông Đoàn Đắc C, số thuế phải nộp là 25.920đ).

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2003 thể hiện thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, diện tích 145m² tên chủ sử dụng là “UBND”; Biên bản xác nhận ranh giới mốc giới ngày 15/4/2003 cũng xác định đất của tập thể, có chữ ký giáp ranh của gia đình ông C. Ngày 12/12/2010, giữa ông C và chính quyền xã P đã tiến hành đo đạc xác định ranh giới đất ở của hộ ông Đoàn Đắc C tổng diện tích là 150m²; diện tích còn lại giao cho tập thể quản lý để thôn sử dụng chia lại đất nông nghiệp và phương án dồn điền đổi thửa. Sau khi dồn điền đổi thửa hộ ông C đã nhận đủ đất nông nghiệp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trước đây và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, không có ý kiến gì. Tại bản cam đoan của ông Đoàn Đắc C ngày 13/02/2012 đã xác định: *“Giấy chuyển quyền do anh Đoàn Đắc M là con trai bà L ký và Giấy tạm giao quyền sử dụng đất của UBND xã P chỉ là 01 thửa đất trên. Tôi xin cam đoan với UBND xã P, tôi chỉ có duy nhất 01 thửa đất diện tích 150m² của hai loại giấy tờ trên, ngoài ra tôi không còn thửa đất nào khác”*.

Do vậy, việc UBND xã P xác định thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45 diện tích 145m² là đất nông nghiệp (đất 10%) thuộc quyền quản lý của UBND xã để không thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông C là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm gia đình ông C không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của mình.

- Đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 45, diện tích 150m²: Năm 2015 ông Đoàn Đắc C đã có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này đến UBND xã P. Từ ngày 05/5/2015 UBND xã P đã hoàn thiện hồ sơ thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của UBND xã và đã chuyển tới các cơ quan có thẩm quyền của huyện

để xem xét cấp GCNQSDĐ cho ông Đoàn Đắc C theo thẩm quyền. Theo cung cấp của UBND xã P, các cơ quan chuyên môn của huyện cũng đã thẩm định hồ sơ, chuyển đến Chi cục Thuế huyện Lương Tài để xác định nghĩa vụ tài chính trước khi cấp GCNQSDĐ nhưng sau đó gia đình ông C đại diện là ông Đoàn Đắc T đã xin rút hồ sơ về, nên cán bộ địa chính xã đã ra Chi cục thuế rút hồ sơ về giao trả cho ông T vào ngày 30/8/2015. Như vậy, việc gia đình ông C đã rút hồ sơ đề nghị cấp GCN nên không còn hồ sơ để các cơ quan có thẩm quyền tiến hành làm các thủ tục pháp lý cần thiết đề nghị cấp có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho ông Đoàn Đắc C. Tại phiên tòa, đại diện UBND xã P cho biết nếu sau này gia đình ông C có đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 104 này thì nộp hồ sơ theo quy định tại Bộ phận một cửa, UBND xã sẽ thực hiện các trình tự thủ tục theo chức năng nhiệm vụ để trình UBND huyện xem xét cấp GCNQSDĐ cho ông Đoàn Đắc C theo thẩm quyền.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Kết luận số: 289/KL-UBND ngày 20/10/2016 của UBND xã P và Quyết định số:32/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch UBND xã P giải quyết đối với vụ việc của gia đình ông Đoàn Đắc C là phù hợp quy định pháp luật, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của UBND cấp xã trong việc quản lý đất đai tại địa phương. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Đắc C là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Đắc T (người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Đắc C) đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên nội dung này của bản án sơ thẩm.

[5] Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tòa án cấp sơ thẩm đã chi phí hết số tiền 600.000đ. Bản án sơ thẩm đã nhận định ông Đoàn Đắc C phải chịu tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản (người khởi kiện đã nộp đủ chi phí) nhưng trong phần Quyết định của Bản án sơ thẩm không nêu phần này là thiếu sót. Ngoài ra cấp sơ thẩm tiến hành định giá tài sản là không cần thiết bởi Kết luận 289 và Quyết định 32 không đề cập về giá trị đất, người khởi kiện cũng không yêu cầu giải quyết về giá trị thửa đất mà chỉ yêu cầu UBND xã tiến hành làm các thủ tục để ông C được cấp GCNQSDĐ đất. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc giải quyết các vụ án khác.

[6] Về án phí: Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khurởi kiện của ông Đoàn Đắc C nhưng căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Đoàn Đắc C thuộc trường hợp được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích và hướng dẫn ông C thực hiện thủ tục đề nghị miễn án phí là còn thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C có đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét miễn án phí cho ông Đoàn Đắc C nên HĐXX sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí để miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Đoàn Đắc C.

Do sửa án sơ thẩm nên ông Đoàn Đắc C không không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính, sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lương Tài (về án phí).

Căn cứ Khoản 5 Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 17, Điều 27, Điều 28, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Đoàn Đắc T và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Đắc C gồm:

- Bác yêu cầu công nhận ông Đoàn Đắc C có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 45, bản đồ địa chính xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh lập năm 2003.

- Bác yêu cầu hủy bỏ Kết luận số: 289/KL-UBND ngày 20/10/2016 của UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh về việc xem xét, giải quyết đơn của ông Đoàn Đắc T thôn N, xã P.

- Bác yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 32/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh về việc giải quyết khiếu nại của công dân Đoàn Đắc T (lần đầu).

- Bác yêu cầu buộc UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh phải công nhận Thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 45, bản đồ địa chính xã Phú Hòa lập năm 2003 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đoàn Đắc C. Phải tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để ông Đoàn Đắc C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 33 và thửa đất số: 104, tờ bản đồ số: 45, bản đồ địa chính xã P lập năm 2003 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Đoàn Đắc C được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại ông C số tiền 300.000đ tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2012/04497 ngày 19/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Tài.

Ông Đoàn Đắc C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại ông C số tiền 300.000đ tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001328 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Tài.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Lương Tài;
- Chi cục THADS huyện Lương Tài;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP- THC.

Hoàng Tuấn Anh
(Đã ký)